TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 364/2023/HS-ST
Ngày 13 - 12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Lê Thị Phương Dung.
*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Văn Vy.
Bà Hoàng Thị Lan Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Cảm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 326/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 317/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: Đ), sinh ngày 01 tháng 9 năm 1998 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị K; có vợ là chị Võ Thị Mỹ L và 01 con sinh năm 2022; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Từ năm 2017 đến 2019, có tham gia nghĩa vụ quân sự; bị tạm giữ từ ngày 21/7/2023 đến ngày 30/7/2023, được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Võ Thị Mỹ C1, sinh năm 1981. Nơi cư trú: 0 Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Đặng Thành T1, sinh năm 1987. Nơi cư trú: 47 L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. Chị Ngô Thị N, sinh năm 1975. Nơi thường trú: 73 L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi ở hiện nay: 7/65/93 Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

4. Chị Trần Thị Như L1, sinh năm 1971. Nơi cư trú: 10 L, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 7/2022 đến khoảng tháng 7/2023, bị cáo Nguyễn Văn T từ thành phố Hải Phòng đến địa bàn thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế để sinh sống và cho người khác vay tiền không cần thế chấp, thời hạn vay ngắn, thủ tục đơn giản, lãi suất cao để thu lợi bất chính. Bị cáo T sử dụng số điện thoại 0989404792 để đăng ký và sử dụng tài khoản Zalo "Đ", in tờ rơi với nội dung cho vay tiền kèm số điện thoại trên rồi đi phát tờ rơi ở khu vực đông người. Khi có người cần vay tiền gọi điện thoại để liên hệ thì bị cáo T hẹn gặp để xác lập hợp đồng vay với hình thức cho vay trả góp cả gốc và lãi theo ngày. Sau khi cho vay tiền, bị cáo T đến nhà người vay hoặc gọi điện thoại đến điểm hẹn để thu tiền góp hằng ngày. Quá trình điều tra xác định, bị cáo T đã cho 04 người vay, cụ thể như sau:

1. Người vay thứ nhất: Chị Võ Thị Mỹ C1 đã vay của bị cáo T 08 lần như sau:

Lần 1: Từ ngày 02/7/2022 đến 10/8/2022, số tiền vay 10.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày tức là 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất mà Bộ luật Dân sự quy định là 9,125 lần, phí vay tiền là 300.000 đồng, trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng. Lần vay này, chị C1 đã trả hết tổng tiền gốc và lãi là 12.000.000 đồng. Bị cáo T thu lợi số tiền 2.300.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.080.822 đồng.

Lần 2: Từ ngày 10/7/2022 đến 18/8/2022, số tiền vay 10.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày tức là 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất mà Bộ luật Dân sự quy định là 9,125 lần, phí vay tiền là 300.000 đồng, trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng. Lần vay này, chị C1 đã trả hết tổng tiền gốc và lãi là 12.000.000 đồng. Bị cáo T thu lợi số tiền 2.300.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.080.822 đồng.

Lần 3: Từ ngày 05/7/2022 đến 13/8/2022, số tiền vay 20.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày tức 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất mà Bộ luật Dân sự quy định là 9,125 lần, phí vay tiền là 600.000 đồng, trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng. Lần vay này, chị C1 đã trả hết tổng tiền gốc và lãi là 24.000.000 đồng. Bị cáo T thu lợi số tiền 4.600.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 4.161.644 đồng.

Lần 4: Từ ngày 13/7/2022 đến 19/8/2022, số tiền vay 10.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày tức là 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất mà Bộ luật Dân sự quy định là 9,125 lần, phí vay tiền là 300.000 đồng, trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng. Lần vay này, chị C1 đã trả hết tổng tiền gốc và lãi là 12.000.000 đồng. Bị cáo T thu lợi số tiền 2.300.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.080.822 đồng.

Lần 5: Từ ngày 13/8/2022 đến 20/9/2022, số tiền vay 20.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày tức là 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất mà Bộ luật Dân sự quy định là 9,125 lần, phí vay tiền là 600.000 đồng, trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng. Lần vay này, chị C1 đã trả hết tổng tiền gốc và lãi là 24.000.000 đồng. Bị cáo T thu lợi số tiền 4.600.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 4.161.644 đồng.

Lần 6: Từ ngày 20/9/2022 đến 28/10/2022, số tiền vay 20.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày tức là 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất mà Bộ luật Dân sự quy định là 9,125 lần, phí vay tiền là 600.000 đồng, trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng. Lần vay này, chị C1 đã trả hết tổng tiền gốc và lãi là 24.000.000 đồng. Bị cáo T thu lợi số tiền 4.600.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 4.161.644 đồng.

Lần 7: Từ ngày 28/10/2022 đến 16/11/2022, số tiền vay 20.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày tức 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất mà Bộ luật Dân sự quy định là 9,125 lần, phí vay tiền là 600.000 đồng, trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng. Lần vay này, chị C1 đã trả hết tổng tiền gốc và lãi là 24.000.000 đồng. Bị cáo T thu lợi số tiền 4.600.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là: 4.161.644

Lần 8: Từ ngày 16/11/2022 đến nay, số tiền vay 20.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày tức 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất mà Bộ luật Dân sự quy định là 9,125 lần, phí vay tiền là 600.000 đồng, trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng. Lần vay này, chị C1 trả cho bị cáo T 22 ngày cả tiền gốc và lãi là 13.200.000 đồng, ngoài ra còn trả thêm tiền lãi của 01 ngày là 100.000 đồng, tổng cộng là 13.300.000 đồng. Như vậy, chị C1 còn nợ bị cáo T số tiền cả gốc và lãi là 10.700.000 đồng. Bị cáo T thu lợi số tiền 2.900.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.647.945 đồng.

Tổng số tiền bị cáo T thu lợi bất chính đối với 08 lần cho chị C1 vay tiền là: 2.080.822 đồng + 2.080.822 đồng + 2.080.822 đồng + 4.161.644 đồng + 4.161.644 đồng + 4.161.644 đồng + 4.161.644 đồng + 2.647.945 đồng = 25.536.987 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng).

2. Người vay thứ hai: Anh Đặng Thành T1 đã vay của bị cáo T 04 lần như sau:

Lần 1: Từ đầu tháng 02/2023 đến giữa tháng 3/2023, số tiền vay 15.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày tức 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất mà Bộ luật Dân sự quy định là 9,125 lần, phí vay tiền là 450.000 đồng, trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày 450.000 đồng. Lần vay này, anh T1 đã trả hết tổng tiền gốc và lãi là 18.000.000 đồng. Bị cáo T thu lợi số tiền 3.450.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 3.121.233 đồng.

Lần 2: Từ giữa tháng 3/2023 đến cuối tháng 4/2023, số tiền vay 15.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày tức 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất mà Bộ luật Dân sự quy định là 9,125 lần, phí vay tiền là 450.000 đồng, trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày 450.000 đồng. Lần vay này, anh T1 đã trả hết tổng tiền gốc và lãi là 18.000.000 đồng. Bị cáo T thu lợi số tiền 3.450.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 3.121.233 đồng.

Lần 3: Từ đầu tháng 5/2023 đến giữa tháng 6/2023, số tiền vay 15.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày tức 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất mà Bộ luật Dân sự quy định là 9,125 lần, phí vay tiền là 450.000 đồng, trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày 450.000 đồng. Lần vay này, anh T1 đã trả hết tổng tiền gốc và lãi là 18.000.000 đồng. Bị cáo T thu lợi số tiền 3.450.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 3.121.233 đồng.

Lần 4: Từ giữa tháng 6/2023 đến tháng 7/2023, số tiền vay 15.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày tức 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất mà Bộ luật Dân sự quy định là 9,125 lần, phí vay tiền là 450.000 đồng, trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày 450.000 đồng. Lần vay này, anh T1 đã trả hết tiền gốc và lãi là 18.000.000 đồng. Bị cáo T thu lợi số tiền 3.450.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 3.121.233 đồng.

Tổng số tiền bị cáo T thu lợi bất chính đối với 04 lần cho anh T1 vay tiền là 3.121 233 đồng x 4 = 12.484.932 đồng (Mười hai triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi hai đồng).

3. Người vay thứ ba: Chị Ngô Thị N đã vay của bị cáo T 02 lần như sau:

Lần 1: Từ ngày 28/6/2023 đến 17/7/2023, số tiền vay 20.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày tức 182.5%/năm, vượt quá mức lãi suất mà Bộ luật Dân sự quy định là 9,125 lần, phí vay tiền là 600.000 đồng, trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng. Lần vay này, chị N đã trả hết tổng tiền gốc và lãi là 24.000.000 đồng. Bị cáo T thu lợi số tiền 4.600.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 4.161.644 đồng.

Lần 2: Vào ngày 17/7/2023, số tiền vay 20.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày tức 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất mà Bộ luật Dân sự quy định là 9,125 lần, phí vay tiền là 600.000 đồng, trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng. Lần vay này, chị N đã trả góp được 04 ngày với tổng số tiền là 2.400.000 đồng, còn nợ bị cáo T số tiền cả gốc và lãi là 21.600.000 đồng. Bị cáo T thu lợi số tiền 1.000.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 956.165 đồng.

Tổng số tiền bị cáo T thu lợi bất chính đối với 02 lần cho chị N vay là: 4.161.644 đồng + 956.165 đồng = 5.117.809 đồng (Năm triệu một trăm mười bảy nghìn tám trăm linh chín đồng).

4. Người vay thứ tư: Chị Trần Thị Như L1 đã vay của bị cáo T 02 lần như sau:

Lần 1: Từ ngày 13/5/2023 đến 13/6/2023, số tiền vay 10.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày tức 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất mà Bộ luật Dân sự quy định là 9,125 lần, phí vay tiền là 300.000 đồng, trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng. Lần vay này, chị L1 đã trả hết tổng tiền gốc và lãi là 12.000.000 đồng. Bị cáo T thu lợi số tiền 2.300.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.080.822 đồng.

Lần 2: Từ ngày 13/6/2023 đến nay, số tiền vay 10.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày tức 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất mà Bộ luật Dân sự quy định là 9,125 lần, phí vay tiền là 300.000 đồng, trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng. Lần vay này, chị L1 đã trả góp được 37 ngày với tổng số tiền là 11.100.000 đồng, còn nợ bị cáo T số tiền cả gốc và lãi là 900.000 đồng. Bị cáo T thu lợi số tiền 2.150.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.947.260 đồng.

Tổng số tiền bị cáo T thu lợi bất chính đối với 02 lần cho chị L1 vay tiền là: 2.080.822 đồng + 1.947.260 đồng = 4.028.082 đồng (Bốn triệu không trăm hai mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng).

Như vậy, bị cáo T đã cho 04 người vay tiền với 16 lần vay, tổng số tiền cho vay là 250.000.000 đồng, cùng mức lãi suất 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất mà Bộ luật Dân sự quy định (20%/năm) là 9,125 lần, thu lợi bất chính tổng số tiền là 47.167.810 đồng (Bốn mươi bảy triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm mười đồng). Toàn bộ số tiền thu lợi bất chính được bị cáo T sử dụng vào việc cho người khác vay lại và chi phí sinh hoạt, tiêu xài cá nhân.

Vật chứng thu giữ: 01 (Một) điện thoại di động hiệu iPhone 13 Pro Max, 128G, màu xanh lam (bị vỡ phía mặt trước) có số imei 1: 353652736456790, imei 2: 353652735739089.

Bản cáo trạng số 341/CT-VKSTPH ngày 25-10-2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự; xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng đến 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 (Chín) ngày bị cáo T bị tạm giữ, quy đổi thành 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

* Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, đề nghị:

+ Tịch thu toàn bộ số tiền gốc 250.000.000 đồng trừ số tiền gốc mà 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chưa trả cho bị cáo tổng cộng là 27.750.000 đồng và tiền lãi theo quy định mà bị cáo T thu được là 4.882.190 đồng, buộc bị cáo T phải nộp sung vào ngân sách nhà nước tổng số tiền 227.132.190 đồng.

+ Buộc bị cáo T phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho: Chị Võ Thị Mỹ C1 số tiền 25.536.987 đồng; anh Đặng Thành T1 số tiền 12.484.932 đồng; chị Ngô Thị N số tiền 5.117.809 đồng; chị Trần Thị Như L1 số tiền 4.028.082 đồng.

+ Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp lại số tiền gốc đã vay của bị cáo T nhưng chưa trả để nộp sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể: Chị Võ Thị Mỹ C1 nộp lại 9.000.000 đồng, chị Ngô Thị N nộp lại 18.000.000 đồng, chị Trần Thị Như L1 nộp lại 750.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động hiệu iPhone 13 Pro Max, 128G, màu xanh lam (bị vỡ phần mặt trước) có số imei1: 353652736456790, imei 2: 353652735739089.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo: Nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ có sơ khẳng định: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2022 đến tháng 7/2023, tại thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, bị cáo Nguyễn Văn T đã cho tổng cộng 04 (bốn) người vay tiền/16 lần vay, tổng số tiền cho vay là 250.000.000 đồng, mỗi lần vay tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, hình thức vay là trả góp, cùng mức lãi suất cho vay 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính tổng số tiền 47.167.810 đồng (Bốn mươi bảy triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm mười đồng). Do đó, hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế đã truy tố.

[3] Xét căn cứ quyết định hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng, trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong dư luận xã hội. Bị cáo đã dùng thủ đoạn lợi dụng hoàn cảnh người vay gặp khó khăn hoặc cần tiền gấp để thực hiện hành vi ép người vay tiền phải chịu lãi suất rất cao nhằm thu lợi bất chính. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo hiện nay không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Xét thấy 01 (Một) điện thoại di động hiệu iPhone 13 Pro Max, 128G, màu xanh lam (Bị vỡ phía mặt trước) có số imei 1:

353652736456790, imei 2: 353652735739089 là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

[5] Về biện pháp tư pháp:

* Đối với số tiền thu lợi bất hợp pháp mà bị cáo T đã thu được của 04 người vay là chị Võ Thị Mỹ C1, anh Đặng Thành T1, chị Ngô Thị N và chị Trần Thị Như L1 là 47.167.810 đồng, Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo T phải trả lại cho 04 người vay trên số tiền này, cụ thể:

- Trả cho chị Võ Thị Mỹ C1 số tiền 25.536.987 đồng.
- Trả cho anh Đặng Thành T1 số tiền 12.484.932 đồng.
- Trả cho chị Ngô Thị N số tiền 5.117.809 đồng.
- Trả cho chị Trần Thị Như L1 số tiền 4.028.082 đồng.

* Đối với khoản tiền bị cáo T dùng để cho vay là 250.000.000 đồng nhưng những người vay tiền trên chưa trả cho bị cáo T tổng số tiền là 27.750.000 đồng. Hội đồng xét thấy cần buộc họ nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước, số tiền còn lại sau khi đã trừ số tiền trên là 222.250.000 đồng được xác định là phương tiện phạm tội và số tiền lãi không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 4.882.190 đồng được xác định là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo T phải nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước, tổng cộng là 227.132.190 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu một trăm ba mươi hai nghìn một trăm chín mươi đồng).

* Đối với số tiền gốc mà những người vay tiền trên đã nhận nhưng chưa trả lại đủ cho bị cáo tổng số tiền là 27.750.000 đồng, số tiền này là phương tiện phạm tội, nên cần buộc những người vay tiền này nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Chị Võ Thị Mỹ C1 phải nộp 9.000.000 đồng.
- Chị Ngô Thị N phải nộp 18.000.000 đồng.
- Chị Trần Thị Như L1 phải nộp 750.000 đồng.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 21/7/2023 đến ngày 30/7/2023 là 09 (Chín) ngày, được quy đổi 01 (Một) ngày tạm giữ bằng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ, như vậy, số ngày bị cáo T được trừ đi là 27 (Hai mươi bảy) ngày. Bị cáo T còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 01 (Một) năm 02

(Hai) tháng 03 (Ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng có trách nhiệm giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo T.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; tuyên xử:

2.1. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 01 (Một) điện thoại di động hiệu iPhone 13 Pro Max, 128G, màu xanh lam (Bị vỡ phía mặt trước) có số imei 1: 353652736456790, imei 2: 353652735739089

Vật chứng này đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/10/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

2.2. Về biện pháp tư pháp:

* Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải trả lại cho 04 người vay tổng số tiền thu lợi bất chính là 47.167.810 đồng, cụ thể:

- Trả cho chị Võ Thị Mỹ C1 số tiền 25.536.987 đồng.
- Trả cho anh Đặng Thành T1 số tiền 12.484.932 đồng.
- Trả cho chị Ngô Thị N số tiền 5.117.809 đồng.
- Trả cho chị Trần Thị Như L1 số tiền 4.028.082 đồng.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

* Buộc bị cáo T phải nộp lại số tiền 227.132.190 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu một trăm ba mươi hai nghìn một trăm chín mươi đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

* Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp lại số tiền gốc đã nhận nhưng chưa trả lại đủ cho bị cáo T để sung vào ngân sách nhà nước, tổng cộng 27.750.000 đồng, cụ thể:

- Chị Võ Thị Mỹ C1 phải nộp 9.000.000 đồng.
- Chị Ngô Thị N phải nộp 18.000.000 đồng.
- Chị Trần Thị Như L1 phải nộp 750.000 đồng.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14; tuyên xử: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh TT-Huế;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra CA TP Huế;
- CC THADS thành phố Huế;
- UBND xã H, huyện A, TP Hải Phòng;
- Bị cáo;
- NCQLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phương Dung